

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2019

V/v "Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình - Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Phước**

2. Ông **Ngô Thanh Ngọc Cảnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Lương Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12
năm 2018, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thùy D**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Rót N**, sinh năm 1967

Địa chỉ: 553, tổ 14, ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An
Giang

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thùy D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Rót N chung sống với nhau vào năm 1989 và không đăng ký kết hôn. Nay do tính tình không còn phù hợp, mâu thuẫn trầm trọng, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà và ông Rót N không còn sống chung với nhau từ năm 2010, tình cảm không còn, nên yêu cầu ly hôn ông Rót N.

- Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh 1992, Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 và Nguyễn Anh T sinh năm 1997 ba con chung đều đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn Rót N trình bày: Thống nhất về thời gian sống chung với bà D, không có đăng ký kết hôn, cuộc sống ban đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay gây cãi ông và bà D đã không còn sống chung từ năm 2010 đến nay, tình cảm cũng không còn, đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh 1992, Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 và Nguyễn Anh T, sinh năm 1997 ba con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông Rót N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thùy D làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Rót N có địa chỉ số 553, tổ 14, ấp Sơn Hòa, xã Vọng Đông,

huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang . Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về nội D: Bà Đặng Thùy D và ông Nguyễn Văn Rớt N sống chung với nhau năm 1989 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy ông N và bà D chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, ông Rớt N và bà D thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng, ông Rớt N và bà D đã không còn sống chung từ năm 2010 tình cảm giữa hai người không còn, ông Rớt N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Tuy nhiên Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại thời điểm này ông Rớt N và bà D đã đủ độ tuổi để kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, đến nay ông, bà cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Tòa án không giải quyết cho ông Rớt N và bà D ly hôn mà cần không công nhận ông Rớt N và bà D là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận ông Rớt N và bà D xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì bà ông Rớt N và bà D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đặng Thùy D và ông Nguyễn Văn Rớt N là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận ông Rớt N và bà D xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì ông Rớt N và bà D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014868 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Đặng Thùy D, ông Nguyễn Văn Rớt N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hằng

